

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 23 - NGŨ VĂN 7
Năm học: 2020-2021

Lưu ý:

- HS chép bài phần nội dung tô màu xanh
- Lưu ý phần nội dung tô màu đỏ
- Đọc kĩ phần nội dung tô màu đen

Tiếng Việt: THÊM TRẠNG NGŨ CHO CÂU
(Tiếp theo)

A. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

- Công dụng của trạng ngữ.
- Cách tách trạng ngữ thành câu riêng.

2. Kỹ năng

- Phân tích tác dụng của thành phần trạng ngữ của câu.
- Tách trạng ngữ thành câu riêng

3. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề - ra quyết định
- Năng lực sáng tạo
- Năng lực hợp tác
- Năng lực tự quản bản thân
- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi về cách mở rộng câu, chuyển đổi câu.
- Ra quyết định: lựa chọn cách mở rộng câu, chuyển đổi câu theo những mục đích giao tiếp cụ thể của bản thân.
- Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi về cách mở rộng câu, chuyển đổi câu

4. Thái độ

- Giáo dục ý thức tiếp thu, nhận diện, thực hành vận dụng kiến thức để mở rộng thành phần câu.

B. Nội dung bài học:

I. TÌM HIỂU BÀI

1. CÔNG DỤNG CỦA TRẠNG NGŨ.

a. Ví dụ:

- a. - Thường thường, vào khoảng đó (trạng ngữ chỉ thời gian)
- Sáng dậy (trạng ngữ chỉ thời gian).
- Trên giàn hoa lí (Địa điểm)
- Chỉ độ tám chín giờ sáng (trạng ngữ thời gian)
- Trên nền trời trong trong (trạng ngữ địa điểm).

- b. - Về mùa đông (trạng ngữ chỉ thời gian).

-> Làm thành phần phụ của câu.

- Không nên lược bỏ vì những trạng ngữ đó bổ sung cho câu những thông tin cần thiết làm cho câu miêu tả đầy đủ, thực tế khách quan hơn. Trong nhiều trường hợp nếu không có phần thông tin của trạng ngữ

- > câu nói thiếu chính xác, nội dung không đầy đủ gây khó hiểu cho người đọc.
- Vai trò: Giúp cho việc sắp xếp các luận cứ theo trình tự nhất định về không gian, thời gian, hoặc các sự việc có quan hệ nguyên nhân - kết quả nghĩa là nối kết các câu, các đoạn với nhau làm cho bài văn, đoạn văn thêm mạch lạc.

b. Ghi nhớ: sgk

*Hoạt động 2: Tách trạng ngữ thành câu riêng

2. TÁCH TRẠNG NGỮ THÀNH CÂU RIÊNG.

a. Ví dụ:

- Câu 1: Trạng ngữ - *để tự hào với tiếng nói của mình.*
 - > Xác định mục đích của sự việc nói trong câu.
 - Câu 2: *Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó.*
 - > xác định mục đích của sự việc nói trong câu 1.
 - Trạng ngữ được tách thành câu riêng
-
- Tác dụng: để nhấn mạnh ý hoặc chuyển ý hoặc thể hiện tình huống cảm xúc nhất định.
 - Trạng ngữ đứng ở cuối câu thường được tách thành câu riêng.

b. Ghi nhớ 2: (SGK- 47)

IV. Luyện tập:

HS trả lời các bài tập trong phần luyện tập vào tập bài tập

C. Củng cố: (trả lời vào tập bài tập)

IV. Bài tập củng cố:

Câu 1: Tách trạng ngữ thành câu riêng, người nói, người viết nhằm mục đích gì?

- A. làm cho câu ngắn hơn.
- B. Để nhấn mạnh, chuyển ý hoặc thể hiện những cảm xúc nhất định
- C. Làm cho nòng cốt câu được chặt chẽ
- D. Làm cho nội dung của câu dễ hiểu hơn.

Câu 2: ở vị trí nào trong câu thì trạng ngữ có thể được tách thành câu riêng để đạt những mục đích tu từ nhất định?

- A. Đầu câu
- B. Giữa chủ ngữ và vị ngữ
- C. Cuối câu
- D. A, B, C đều sai

Câu 3: Dòng nào không phải là trạng ngữ trong đoạn văn sau:

Đêm hôm lễ đại khánh, có một chàng trai thấp nhỏ mạnh khỏe, cùng ngực tốt uống rượu, nhân lúc say mà cướp anh đi. Từ đó, tôi luôn theo sát anh, chỉ mong anh lần này đi được trót lọt. Nhưng lại nghĩ trong lúc anh đang lo thoát nạn, việc không nên để người ngoài biết thì tôi lại không muốn làm cho anh sợ, nên đành xa anh đoạn đường. Khi vào làng này, tôi mất dấu anh nhưng chắc là anh vẫn ở đây.

(Phan Bội Châu)

- A. Đêm hôm lễ đại khách
- B. Từ đó
- C. Khi vào làng này
- D. Nhân lúc say mà cướp anh đi

Câu 4: *Trạng ngữ “Trên dòng sông Đà” của câu “Trên dòng sông Đà, ông xuôi ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay giữ lái độ sáu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sáu chèo” (Nguyễn Tuân) biểu thị nội dung gì?*

- A. Thời gian diễn ra hành động được nói đến trong câu
- B. Nơi chốn diễn ra hành động được nói đến trong câu
- C. Nguyên nhân của hành động được nói đến trong câu
- D. Mục đích của hành động được nói đến trong câu.

Câu 5: *Trạng ngữ không được dùng để làm gì?*

- A. Chỉ nguyên nhân, mục đích của hành động được nói đến trong câu.
- B. Chỉ thời gian và nơi chốn diễn ra hành động được nói đến trong câu.
- C. Chỉ phương tiện và cách thức của hành động được nói đến trong câu
- D. Chỉ chủ thể hành động được nói đến trong câu.

Câu 6: *Gạch chân các bộ phận trạng ngữ trong các câu sau và cho biết bộ phận trạng ngữ ở câu nào không thể tách thành câu riêng.*

- A. Lan và Huệ chơi rất thân với nhau từ hồi còn học mẫu giáo.
- B. Ai cũng phải học tập thật tốt để có vốn hiểu biết phong phú, và để tạo dựng cho mình một sự nghiệp.
- C. Qua cách nói năng, tôi biết nó có điều gì phiền muộn trong lòng.
- D. Mặt trời đã khuất phía sau rặng núi.

Câu 7: *Gạch chân các bộ phận trạng ngữ trong các câu sau và cho biết bộ phận trạng ngữ trong các câu nào có thể tách thành câu riêng?*

- A. Chị là người ở đây lâu nhất từ ngày đầu mới mở công trường.
- B. Bằng trí thông minh của mình, Thỏ đã cho Gừi một bài học nhớ đời.
- C. Qua những cử chỉ uể oải của Lam, tôi biết nó không thích công việc mẹ nó bắt làm.
- D. Với từng ấy quyển sách, tôi có thể đọc ròn rã một tháng chưa chắc đã xong.

V. Dặn dò

* Đối với bài cũ:

- Học, nắm chắc nội dung bài học.
- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập ngữ văn.
- Vận dụng trong diễn đạt.
- Xác định các câu có thành phần trạng ngữ trong 1 đoạn văn đã học và nhận xét về tác dụng của các thành phần trạng ngữ.

* Đối với bài mới:

Chuẩn bị bài mới: “Cách làm bài văn lập luận chứng minh”

- Tìm hiểu đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.

Tập làm văn:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức.

- Đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Yêu cầu cơ bản về luận điểm, luận cứ của phương pháp lập luận chứng minh..

2. Kỹ năng.

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.

II. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:

I. Mục đích và phương pháp chứng minh:

1. Mục đích:

a) Trong đời sống:

- Trong đời sống một khi bị nghi ngờ, hoài nghi chúng ta đều có nhu cầu chứng minh sự thật.
- Khi cần chứng minh một điều ta nói là thật thì ta dẫn sự việc ấy ra, dẫn người đã chứng kiến việc ấy.
- Chứng minh là đưa ra bằng chứng để chứng tỏ một ý kiến (luận điểm) nào đó là chân thực.

b) Trong văn nghị luận:

- Trong văn nghị luận để chứng minh ý kiến nào đó đúng sự thật, đáng tin cậy thì ta dùng lời lẽ, lời văn trình bày, lập luận để làm sáng rõ vấn đề.

2. Phương pháp chứng minh:

Văn bản “Đừng sợ vấp ngã” sgk/41-42

a)- Luận điểm cơ bản: “Đừng sợ vấp ngã”

- Những câu văn mang luận điểm (luận điểm nhỏ):
 - + Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ.
 - + Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.
 - + Điều đáng sợ hơn là bạn đã bỏ qua nhiều cơ hội chỉ vì không cố gắng hết mình.
 - + Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.

b) Lập luận của bài văn

- Trong đời sống chuyện vấp ngã là thường (d/c):
 - + Lần đầu tiên chập chững bước đi, bạn đã bị ngã.
 - + Lần đầu tiên tập bơi, bạn uống nước và suýt chết đuối.
- Những người nổi tiếng cũng đã từng vấp ngã, những thất bại không ngăn cản họ trở thành người nổi tiếng (d/c):
 - + Oan Đi-nây từng bị toà báo sa thải vì thiếu ý tưởng.
 - + Lúc còn học phổ thông Lu-i Pa-xơ chỉ là một học sinh trung bình.

- + L.Tôn-xtôi, tác giả bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hoà bình” bị đình chỉ học đại học vì không có năng lực vừa thiếu ý chí học tập.
- + Hen-ri Pho thất bại và cháy túi đến 5 lần trước khi đi tới thành công.
- + Ca sĩ Ô-pê-ra nổi tiếng En-ri-cô Ca-ru-xô bị thầy giáo cho là thiếu chất giọng và không thể nào hát được.

*) Ghi nhớ: (sgk/42)

II. Luyện tập:

HS trả lời các bài tập trong phần luyện tập vào tập bài tập

IV. Củng cố: (trả lời vào tập bài tập)

- Qua việc tìm hiểu bài văn “Đừng sợ vấp ngã” em hãy nhắc lại văn nghị luận chứng minh là gì?

Câu 1: Chứng minh trong văn nghị luận là gì ?

- A. Là một phép lập luận sử dụng các dẫn chứng để làm sáng tỏ một vấn đề nào đó
- B. Là một lập luận sử dụng lí lẽ để giải thích một vấn đề nào đó mà người chưa hiểu.
- C. là một phép lập luận sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ một nhận định, một luận điểm nào đó.
- D. Là một phép lập luận sử dụng các tác phẩm văn học để làm rõ một vấn đề nào đó.

Câu 2: Lí do nào khiến cho bài văn viết theo phép lập luận chứng minh thiếu tính thuyết phục?

- A. Luận điểm được nêu rõ ràng, xác đáng
- B. Lí lẽ và dẫn chứng đã được thừa nhận
- C. Lí lẽ và dẫn chứng phù hợp với luận điểm
- D. Không đưa dẫn chứng, đưa lí lẽ để làm sáng tỏ luận điểm

Đọc văn bản “Đừng sợ vấp ngã” (sách giáo khoa ngữ văn 7 tập 2 trang 41-42) và trả lời câu 3 và 4:

Câu 3: Luận điểm cơ bản của văn bản này là gì?

- A. Đừng sợ vấp ngã.
- B. Câu chuyện vấp ngã của những người nổi tiếng.
- C. Tác dụng của những lần vấp ngã
- D. Cả 3 ý trên

Câu 4: Câu văn nào trong đoạn văn mang luận điểm

- A. Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ.
- B. Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.
- C. Điều đáng sợ hơn là bạn đã bỏ qua nhiều cơ hội chỉ vì không cố gắng hết mình.

D. Cả A và B

Câu 5: Chọn một từ thích hợp nhất trong số các từ nêu ra để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau đây:

Âm nhạc là nghệ thuật gần bó với con người từ khi (1) mẹ tới lúc ... (2) cuộc đời. Ngay từ lúc chào đời, ... (3) đã được ôm ấp trong lời ru nhẹ nhàng của người mẹ. Lớn lên với những bài hát ... (4), trưởng thành với những ... (5) lao động, những khúc ... (6) vui buồn, với biết bao sinh hoạt nghệ thuật ... (7) từ thôn xóm đến thành thị, người Việt Nam chúng ta cho đến lúc hết cuộc đời vẫn còn ... (8) văng theo với những điệu hò đưa linh hay... (9) đưa đám.

(Phạm Tuyên, Các bạn nhỏ đèn với âm nhạc)

1. A. sinh ra B. lọt lòng C. chào đời D. đẻ ra
2. A. từ biệt B. chết C. từ trần D. ra đi
3. A. thằng nhỏ B. trẻ con C. em bé D. con nít
4. A. đồng dao B. tiền chiến C. cách mạng D. đồng quê
5. A. ca khúc B. tiếng ru C. điệu hò D. làn điệu
6. A. khúc ca B. tình ca C. hò D. vè
7. A. điệu khắc B. điện ảnh C. ca hát D. hội họa
8. A. tiếng nhạc B. ca nhạc C. tiếng ru D. tiếng hò
9. A. điệu hò B. điệu nhảy C. điệu kèn D. điệu múa

V. DẶN DÒ:

- Tìm đọc thêm những tài liệu liên quan đến bài học
- Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thành phần luyện tập và phần củng cố.

Tập làm văn: CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức:
Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.
2. Kỹ năng:
Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh.
3. Thái độ:
Có ý thức rèn các kỹ năng lập luận chứng minh

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh :

Đề: Nhân dân ta thường nói: “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý:

a) Xác định yêu cầu chung của đề:

- Đề nêu lên một tư tưởng thể hiện bằng một câu tục ngữ.
- Đề yêu cầu: chứng minh tư tưởng đó là đúng đắn.

b) Tìm ý:

- Luận điểm: Ý chí quyết tâm học tập, rèn luyện.
- + Câu tục ngữ khẳng định vai trò, ý nghĩa to lớn của chí trong cuộc sống.
- + Chí là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì. Ai có các điều đó thì sẽ thành công.
- Luận cứ:
 - + Những dẫn chứng trong đời sống (những tấm gương bền bỉ của H nghèo vượt khó, những người lao động, vận động viên, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học... không chịu lùi bước trước khó khăn, thất bại); Những dẫn chứng trong thời gian, không gian, quá khứ,...
 - + Một người có thể đạt tới thành công, tới kết quả được không? Nếu không theo đuổi một mục đích, một lí tưởng tốt đẹp nào đó?
- Lập luận: có 2 cách:
 - + Xét về lí lẽ bất cứ việc gì dù là giản đơn nhưng không có chí, không chuyên tâm, kiên trì thì sẽ không làm được.
 - + Xét về thực tế có biết bao tấm gương nhờ có chí mà thành công: anh Nguyễn Ngọc Ký, các vận động viên khuyết tật đạt huy chương vàng...

2. Lập dàn bài:

a) **MB:** Nêu vai trò của lí tưởng, ý chí và nghị lực trong cuộc sống mà câu tục ngữ đã đúc kết: đó là một chân lí.

b) TB:

- Xét về lí:
 - + Chí là điều rất cần thiết để con người vượt qua mọi trở ngại.
 - + Không có chí thì không làm được gì.
- Xét về thực tế:
 - + Những người có chí đều thành công (dẫn chứng)

+ Chỉ giúp người ta vượt qua mọi khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua được (dẫn chứng)

c) KB: Mọi người nên tu dưỡng ý chí, bắt đầu từ những việc nhỏ để khi ra đời làm được những việc lớn.

3. Viết bài:

a) MB: Có thể chọn 1 trong các cách sau:

- Đi thẳng vào vấn đề.
- Suy từ cái chung đến cái riêng.
- Suy từ tâm lí con người.

b) TB:

- Phải có từ ngữ chuyển đoạn tiếp nối phần mở bài với thân bài. (thật vậy, đúng như vậy ...)
- Viết đoạn phân tích lí lẽ, đoạn nêu các dẫn chứng tiêu biểu ...

c) KB:

- Có thể sử dụng từ ngữ chuyển đoạn: tóm lại, câu tục ngữ cho ta bài học ...
- Kết bài trên hô ứng với mở bài.
- Kết bài phải cho thấy luận điểm cần chứng minh.

4. Đọc lại và sửa chữa:

*) Ghi nhớ: (sgk/50)

II. Luyện tập: Hs làm các bài tập vào tập bài tập

III. Củng cố: **Hs làm vào tập bài tập**:

Câu 1: Trong bài văn chứng minh, chúng ta chỉ sử dụng thao tác chứng minh không cần giải thích vấn đề chứng minh. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 2: Trong phần mở bài của bài văn chứng minh, người viết phải nêu lên nội dung gì?

A. Nêu được các dẫn chứng cần sử dụng khi chứng minh.

B. Nêu được các luận điểm cần chứng minh.

C. Nêu được các lí lẽ cần sử dụng trong bài văn chứng minh.

D. Nêu được các vấn đề cần nghị luận và định hướng chứng minh.

Câu 3: Trong phần thân bài của bài văn chứng minh, người viết cần phải làm gì?

A. Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.

B. Chỉ cần nêu các dẫn chứng được sử dụng trong bài viết.

C. Chỉ cần gọi tên luận điểm được chứng minh.

D. Nêu ý nghĩa của luận điểm đã được chứng minh

Câu 4: Lời văn phần kết bài nên hô ứng với lời văn của phần nào?

A. Thân bài

B. Mở bài

C. Cả thân bài và Mở bài

D. A,B,C đều sai.

Câu 5: Theo quy trình tạo lập văn bản làm văn nghị luận thì sau bước tìm hiểu đề bài để định hướng cho bài làm sẽ đến bước nào?

A. Lập dàn ý đại cương.

B. Xác định lí lẽ cho bài văn.

C. Tìm dẫn chứng cho bài văn.

D. Viết thành bài văn hoàn chỉnh.

IV. DẶN DÒ:

- Ôn nội dung bài học.
- Soạn bài “Luyện tập lập luận chứng minh” theo hướng dẫn sgk/51-52
- Nội dung chuẩn bị theo yêu cầu sgk/51 mục I.2;
- Tập viết cụ thể một số đoạn
- Làm bài tập phần củng cố.